

---

# TÁC ĐỘNG CỦA UKVFTA ĐẾN XUẤT KHẨU HÀNG MAY MẶC CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG VƯƠNG QUỐC ANH

**Ngô Thị Tuyết Mai**

*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân  
Email: ngothituyetmaineu@gmail.com*

**Đỗ Thị Trang**

*Công ty cổ phần Giáo dục và Đào tạo Quốc tế Sydney  
Email: trangdo.ibd@gmail.com*

Mã bài: JED-780

Ngày nhận: 11/07/2022

Ngày nhận bản sửa: 31/08/2022

Ngày duyệt đăng: 22/09/2022

## **Tóm tắt:**

*Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá tác động của Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ireland (UKVFTA) đến xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường Vương quốc Anh (Anh). Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với phương pháp phân tích định lượng thông qua phương pháp SMART với nguồn dữ liệu từ Ngân hàng thế giới (WB) và kịch bản thuế quan nhập khẩu cắt giảm về 0% khi Hiệp định có hiệu lực. Kết quả phân tích cho thấy, có sự gia tăng của xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang thị trường Anh. Từ đó, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp chính sách nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang Anh trong thời gian tới.*

*Từ khóa: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Vương quốc Anh (UKVFTA), may mặc, tác động tạo lập thương mại, tác động chuyển hướng thương mại.*

**Mã JEL: F15; F53**

## **Impact of the Vietnam – UK Free Trade Agreement on the Export of Vietnam’s Textile and Garment to the UK market**

### *Abstract*

*The study aims to evaluate the impact of the Vietnam – UK Free Trade Agreement (UKVFTA) on Vietnam’s garment exports to the UK market. The research employs qualitative methods combined and quantitative analysis methods through the SMART model with data sources from the World Bank and a scenario in which tariffs are reduced to 0% once the UKVFTA comes into force. The results show an increase in Vietnam’s garment exports to the UK market. Based on the finding, the study proposes some policy suggestions to promote Vietnam’s garment exports to the UK in the coming time.*

*Keywords: UKVFTA, garment, trade creation effects, trade diversion effects.*

*JEL Codes: F15; F53*

## **1. Giới thiệu chung**

Dệt, may là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước năm 2021. Trong đó, Anh xếp vị trí thứ 8 trong số 10 thị trường xuất khẩu lớn nhất hàng dệt, may của Việt Nam (sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc,...) (Thông tấn xã Việt Nam, 2022).

Anh hiện đang là thị trường nhập khẩu hàng may mặc đứng thứ 7 trên thế giới và hàng may mặc nằm trong số 5 mặt hàng nhập khẩu lớn nhất của Anh từ Việt Nam (P.Smith, 2022; Department of International

Trade UK, 2022). Song, thị phần xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam tại Anh mới chỉ chiếm khoảng 2,4% (VCCI, 2022). Do đó, dư địa để Việt Nam gia tăng xuất khẩu hàng may mặc vào thị trường Anh sau khi UKVFTA có hiệu lực là rất có triển vọng. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là mức độ tác động của UVFTA đến xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang Anh như thế nào? Những nguyên nhân nào gây ra những hạn chế trong xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang Anh trong thời gian qua? Trên cơ sở đánh giá tác động tạo lập thương mại và chuyển hướng thương mại của UKVFTA đến xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang Anh, bài viết đề xuất một số giải pháp chính sách nhằm thúc đẩy xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang Anh trong thời gian tới.

Bài nghiên cứu gồm 6 nội dung chính: (i) Lý thuyết tạo lập thương mại và chuyển hướng thương mại; (ii) Phương pháp nghiên cứu; (iii) Khái quát về UKVFTA; (iv) Thực trạng xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang Anh; (v) Tác động của UKVFTA đến xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang Anh; (vi) Kết luận và khuyến nghị chính sách.

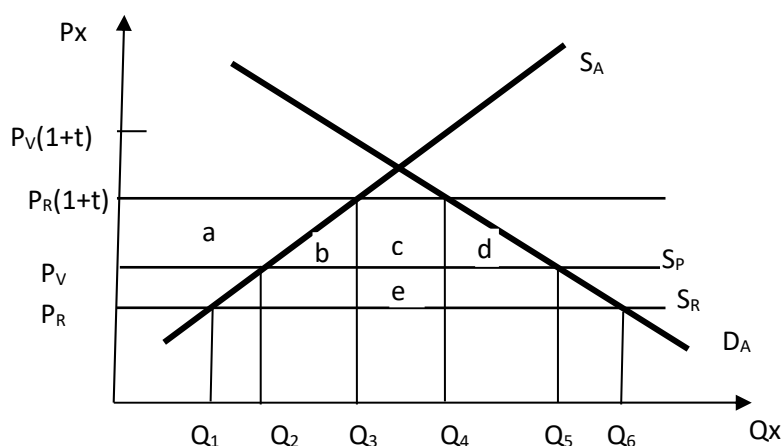
## 2. Lý thuyết tạo lập thương mại và chuyển hướng thương mại

Với mục tiêu nghiên cứu tác động tĩnh (static effects) của hiệp định thương mại tự do (FTA) đến ngành hàng (may mặc) và thị trường cụ thể (Anh), bài viết vận dụng mô hình phân tích cân bằng cục bộ (PGE), đặc biệt là lý thuyết tạo lập thương mại và chuyển hướng thương mại của Viner (1950).

Các nghiên cứu về tác động tĩnh của FTA đến xuất khẩu hàng hóa thường được xem xét dưới hai góc độ: tác động tạo lập thương mại (trade creation effects) và tác động chuyển hướng thương mại (trade diversion effects). Đây là hai khái niệm lần đầu tiên được Viner đưa ra trong tác phẩm nổi tiếng: “The Customs Union Issue” xuất bản năm 1950. Theo đó, tạo lập thương mại xảy ra khi sản xuất trong nước được thay thế bởi nhập khẩu rẻ hơn từ quốc gia thành viên khác trong liên minh. Chuyển hướng thương mại được xác định khi hàng hóa sản xuất với chi phí thấp ở một quốc gia không phải là thành viên bị thay thế bởi nhập khẩu hàng hóa sản xuất với chi phí cao hơn ở quốc gia thành viên. Sau nghiên cứu của Viner (1950), nhiều nhà nghiên cứu đã quan tâm và phát triển lý thuyết này. Về tạo lập thương mại, một số nghiên cứu điển hình phải kể đến Meade (1955), Akitken (1973), Krugman P.(1991), Magee (2004) đều cho rằng việc hình thành các FTA có tác động thúc đẩy thương mại giữa các nước thành viên. Về chuyển hướng thương mại, FTA có thể làm tăng phúc lợi của quốc gia (Lipse, 1957), hoặc làm giảm phúc lợi của các thành viên, nhưng mức độ là khác nhau giữa các FTA, các mặt hàng (Urata, S., Okabe, M., 2007; Craig R. MacPhee, Wanasin Sattayanuwat, 2014; Duong, B., 2016).

Như vậy, không phải lúc nào tác động của liên minh thuế quan cũng tạo ra lợi ích cho các nước thành viên, thậm chí nó có thể làm giảm phúc lợi của quốc gia, và điều đó còn phụ thuộc vào mức độ tác động tương quan giữa tạo lập thương mại và chuyển hướng thương mại (Hình 1).

**Hình 1: Tác động của tạo lập thương mại và chuyển hướng thương mại**



Nguồn: Cheong, D. (2010); Ngô Thị Tuyết Mai & Nguyễn Như Bình (2019).

Hình 1 với giả định  $S_A$  và  $D_A$  biểu thị đường cung và đường cầu đối với hàng hoá X của quốc gia A (quốc

---

gia quá nhỏ, không ảnh hưởng giá cả thế giới). Chi phí sản xuất ra một đơn vị X ở quốc gia V là  $P_V$  và ở quốc gia R (phần còn lại của thế giới, sản xuất hàng hoá X có hiệu quả hơn so với quốc gia A, V) là  $P_R$ .

Trước FTA, quốc gia A đánh thuế quan như nhau đối với hàng hóa X nhập khẩu từ các quốc gia, quốc gia A sẽ nhập khẩu hàng hoá X từ quốc gia R bởi vì  $P_{R(1+t)} < P_{V(1+t)}$ . Khi đó, quốc gia A sản xuất và tiêu dùng tương ứng là  $Q_3$  và  $Q_4$  và nhập khẩu  $Q_3Q_4$  đơn vị hàng hoá X.

Sau FTA giữa quốc gia A và quốc gia V, và quốc gia A chỉ xoá bỏ thuế nhập khẩu hàng hoá X từ quốc gia V, quốc gia A sẽ chuyển nhập khẩu hàng hoá X từ quốc gia R sang quốc gia V do  $P_V < P_{R(1+t)}$ . Khi đó, sản lượng sản xuất và tiêu dùng hàng hoá X trong nước của quốc gia A tương ứng là  $Q_2$  và  $Q_5$ , mức tăng thặng dư của người sản xuất là diện tích a, mức tăng thặng dư của người tiêu dùng là diện tích (a+b+c+d), chính phủ mất đi phần thu nhập từ thuế nhập khẩu X là diện tích c. Lợi ích ròng của tạo lập thương mại đối với quốc gia A là tổng diện tích (b+d) (trong đó, b là lợi ích đạt được do thu hẹp phần sản xuất trong nước kém hiệu quả hơn và thay thế bằng nhập khẩu với chi phí thấp hơn, và d là kết quả của việc tăng chi tiêu tiêu dùng do giá cả nhập khẩu thấp hơn). Một phần tổn thất thuế thu nhập của quốc gia A sau khi thành lập FTA là diện tích e do tác động của chuyển hướng thương mại, đó là chuyển một phần nhập khẩu hàng hoá X từ quốc gia R với chi phí thấp hơn sang nhập khẩu với chi phí cao hơn từ quốc gia V. Như vậy, tác động ròng của liên minh hải quan đối với quốc gia A sẽ là (b+d)-e, phản ánh mức độ tương quan của tạo lập thương mại và chuyển hướng thương mại.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng.

Về nghiên cứu định tính, nhóm tác giả thu thập nguồn dữ liệu thứ cấp có liên quan đến chủ đề nghiên cứu được thu thập từ giáo trình, sách, các bài được đăng trên các tạp chí có uy tín ở trong nước và nước ngoài, cổng thông tin điện tử của các cơ quan quản lý nhà nước, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), và ngân hàng thế giới (WB). Việc thu thập và xử lý dữ liệu tuân theo các nguyên tắc đạo đức cơ bản. Dữ liệu sử dụng được thu thập trong khoảng thời gian từ năm 2017-2021 (kể từ khi Việt Nam và Anh bắt đầu trao đổi về FTA song phương từ tháng 7 năm 2017 đến hết năm 2021).

Về nghiên cứu định lượng, có 02 mô hình thường được sử dụng trong các nghiên cứu để đánh giá tác động của FTA đến thương mại, doanh thu thuế quan và phúc lợi của quốc gia gồm: (i) Mô hình cân bằng tổng thể (CGE); (ii) Mô hình cân bằng cục bộ (PGE), đặc biệt là mô hình của Viner. Nhóm nghiên cứu lựa chọn sử dụng PGE vì nó cho phép phân tích tác động của một FTA tới một ngành hàng (Chẳng hạn hàng may mặc), một thị trường cụ thể (thị trường Anh), trong khi đó CGE phân tích đồng thời tất cả các thị trường (Cheong, D., 2010; Marc Bacchetta & cộng sự (2012).

Mô hình PGE sử dụng phương pháp SMART (Phần mềm phân tích thị trường và các hạn chế trong thương mại) giúp định lượng được tác động của việc cắt giảm thuế quan trong UKVFTA đến xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang Anh (HS6). SMART đi kèm với các công cụ mô phỏng là một phần dữ liệu của Hệ thống Cơ sở Dữ liệu và Phần mềm về Thương mại (WITS) do WB cung cấp. Ưu điểm chính của SMART là dễ dàng thực hiện với yêu cầu đầu vào của mô hình đơn giản (gồm giá trị nhập khẩu, thuế quan, độ co giãn) có thể trích xuất cơ sở dữ liệu từ WITS sẵn có (tải miễn phí từ <http://wits.worldbank.org>); nó chỉ ra được kết quả định lượng quan trọng về tác động của một FTA đến thương mại của một ngành hàng khá chi tiết, và phân tích ở cấp độ dữ liệu thương mại được tách biệt nhất (chi tiết các sản phẩm) và doanh thu thuế quan. Tuy nhiên, hạn chế chính của SMART, đó là mô hình PGE, có nghĩa là kết quả của mô hình bị giới hạn ở tác động trực tiếp của sự thay đổi chính sách thương mại đối với một thị trường. Nó bỏ qua sự tác động gián tiếp của việc thay đổi chính sách thương mại ở các thị trường khác (tác động liên ngành) và tác động phản hồi (do sự thay đổi chính sách thương mại ở một thị trường cụ thể lan sang các thị trường liên quan, và sau đó quay trở lại ảnh hưởng tới thị trường đang xem xét) (Cheong, D., 2010; Marc Bacchetta & cộng sự, 2012).

Đã có một số nghiên cứu thực nghiệm tiêu biểu ở nước ngoài và trong nước sử dụng SMART để dự báo tác động của FTA phải kể đến như: Abdelmalki & cộng sự (2007) đánh giá tác động của FTA giữa Hoa Kỳ và Ma Rôc đến thương mại giữa 2 quốc gia; Othieno & Shinyekwa (2011) đánh giá tác động của Liên minh Thuế quan Đông Phi (EACU) đến thương mại, doanh thu thuế và phúc lợi trong các ngành hàng nhạy cảm của Uganda; Lang (2006) nghiên cứu tác động của Hiệp định Đối tác Kinh tế giữa EU và Cộng đồng Kinh tế Tây Phi (ECOWAS) đến dòng chảy thương mại theo ngành và doanh thu thuế của các nước ECOWAS;

Bao, Ha cong Anh (2016) đánh giá tác động của Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA) đối với xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang EU; Vo Tat Thang & cộng sự (2018) phân tích tác động của EVFTA đối với xuất khẩu giày, dép của Việt Nam sang EU; Tran, D. T., & cộng sự. (2021) nghiên cứu tác động của EVFTA tới dòng chảy thương mại của sản phẩm hoa quả giữa Việt Nam và EU; Jame Cassing & cộng sự (2010) đánh giá tổng thể tác động của các FTA mà Việt Nam đã tham gia.

Nhìn chung, các nghiên cứu thực nghiệm trước đây sử dụng SMART đều đi đến kết luận rằng các nước tham gia FTA đều được hưởng lợi nhờ quy mô xuất khẩu và phúc lợi gia tăng thông qua tác động của tạo lập thương mại và chuyển hướng thương mại. Giá trị thương mại tăng lên do tác động của tạo lập thương mại thường lớn hơn tác động của chuyển hướng thương mại, nhưng trong một số trường hợp có kết quả ngược lại.

Có thể thấy, cho đến nay, mặc dù UKVFTA đã có hiệu lực được hơn 1 năm, nhưng chưa có nghiên cứu nào chuyên sâu về tác động của Hiệp định này đến xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang Anh.

#### 4. Khái quát về UKVFTA

UKVFTA được chính thức ký kết vào ngày 29/12/2020 tại Anh. Chính phủ hai nước đã hoàn tất thủ tục trong nước cho phép áp dụng tạm thời Hiệp định kể từ ngày 01/01/2021 (theo giờ Việt Nam). Hiệp định chính thức có hiệu lực từ ngày 01/05/2021.

UKVFTA là FTA thế hệ mới với tiêu chuẩn cao và mức độ tự do hóa sâu. Hiệp định được đàm phán dựa trên các nền tảng cam kết trong EVFTA. Do đó, UKVFTA về cơ bản gần như toàn bộ các cam kết về hàng hóa, dịch vụ, mở cửa thị trường đầu tư kế thừa EVFTA với một số điều chỉnh cho phù hợp với mối quan hệ thương mại song phương giữa Việt Nam và Anh. UKVFTA gồm có 9 điều khoản, 01 Phụ lục sửa đổi một số điều của lời văn EVFTA, 01 Nghị định thư về quy tắc xuất xứ và 02 Bản Chú giải. Về thương mại hàng hóa, Anh cam kết sẽ xóa bỏ 85,6% số dòng thuế cho hàng hóa của Việt Nam ngay khi Hiệp định có hiệu lực, xóa bỏ đến 99,2% số dòng thuế từ ngày 01/01/2027, và 0,8% số dòng thuế còn lại sẽ được hưởng mức thuế ưu đãi trong hạn ngạch thuế quan là 0%. Với các cam kết này, nhiều sản phẩm Việt Nam có thể mạnh như hàng may mặc, cà phê, tôm, đồ gỗ,... sẽ có lợi thế khi tiếp cận thị trường Anh.

Đối với hàng may mặc, Hiệp định UKVFTA được kỳ vọng đem lại lợi ích cho xuất khẩu của Việt Nam sang Anh, cụ thể:

Về cam kết cắt giảm thuế quan, Anh cam kết cắt giảm thuế suất nhập khẩu 100% các mặt hàng dệt may của Việt Nam về 0% trong vòng 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực. Chỉ một số ít loại trong các nhóm sản phẩm may mặc thuộc Chương 61-62 Biểu thuế (như bộ đồ vest hoàn chỉnh, đồ ngủ nữ, áo len trẻ em, đồ bơi, chăn, rèm cửa, ..) được loại bỏ thuế nhập khẩu ngay khi Hiệp định có hiệu lực (Bảng 1).

**Bảng 1: Lộ trình giảm thuế theo Hiệp định UKVFTA cho hàng may mặc Việt Nam**

	Đơn vị: Triệu USD	
	Kim ngạch XK	Tỷ trọng (%)
Nhóm A (thuế cắt giảm về 0% sau khi Hiệp định có hiệu lực)	802,6	18,0%
Nhóm B3 (-3%/năm, về 0% sau 3 năm)	254,8	5,7%
Nhóm B5 (-1,5%, về 0% sau 5 năm, năm đầu ở mức 10%, cao hơn GSP đang hưởng 9,6%)	2480,7	55,7%
Nhóm B7 (-1,5%, về 0% sau 7 năm, năm đầu ở mức 10,5%, cao hơn GSP đang hưởng 9,6%)	920,9	20,7%

Nguồn: Bộ Công Thương (2020).

Về quy tắc xuất xứ, đối với hàng dệt may, UKVFTA yêu cầu quy tắc xuất xứ “2 công đoạn”, tức là “từ vải trở đi”. Điều đó có nghĩa là để được hưởng mức thuế quan ưu đãi theo Hiệp định, hàng may mặc Việt Nam phải được làm từ vải có xuất xứ Việt Nam. Ngoài ra, nguyên tắc cộng gộp trong Hiệp định cho phép doanh nghiệp Việt Nam sử dụng vải nhập khẩu từ các nước đã ký hiệp định FTA với Anh hoặc ký với cả Anh và Việt Nam. Theo đó, Anh cho phép các doanh nghiệp được sử dụng vải nhập khẩu từ Hàn Quốc, Nhật Bản để sản xuất sản phẩm cuối cùng sang Anh và vẫn được hưởng thuế suất ưu đãi của Hiệp định. Như vậy, các

doanh nghiệp xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sẽ có lợi thế cạnh tranh về thuế so với các đối thủ cạnh tranh khác tại thị trường Anh khi chưa ký FTA với Anh như Trung Quốc, Ấn Độ,...

Tuy nhiên, để được hưởng mức thuế quan ưu đãi trong UKVFTA, các doanh nghiệp Việt Nam phải đáp ứng được những yêu cầu kỹ thuật cao và kiểm soát nghiêm ngặt của Anh, đặc biệt là (i) nhóm yêu cầu về hóa chất trong thành phần sản phẩm như vải, sợi, quần áo, các phụ kiện dệt may,...; (ii) nhóm yêu cầu về quy trình sản xuất ra sản phẩm gồm xử lý nguyên liệu và các chất độc hại sinh ra trong quá trình từ trồng nguyên liệu đến nhuộm, in ấn,...; (iii) nhóm yêu cầu về quy cách đóng gói, bảo quản, ghi nhãn sản phẩm (Bộ Công Thương, 2020).

### 5. Thực trạng xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang Anh

Về kim ngạch xuất khẩu, Việt Nam hiện đang nằm trong số 10 thị trường nhập khẩu hàng may mặc lớn nhất của Anh (Bảng 2).

**Bảng 2: 10 thị trường nhập khẩu hàng may mặc lớn nhất của Anh (2017-2021)**

<i>Đơn vị tính: Triệu USD</i>						
Thị trường	2017	2018	2019	2020	2021	Thị phần (%)
Trung Quốc	6367,6	6039,8	5736,6	11472,4	5830,7	26,1
Bangladesh	3381,2	3536,3	3721,0	2866,3	3083,8	12,2
Thổ Nhĩ Kỳ	1893,7	1909,4	1796,5	1749,5	1816,6	6,8
Ý	1364,2	1605,8	1838,6	1558,5	1702,3	5,9
Ấn Độ	1718,9	1692,3	1699,2	1194,6	1419,1	5,7
Đức	1388,8	1411,3	1384,6	1226,0	1047,4	4,8
Pakistan	1232,8	1251,2	1248,9	1172,4	1525,3	4,7
Hà Lan	953,6	1272,4	1456,5	1559,3	930,7	4,5
Pháp	639,9	1114,2	1046,2	802,7	780,7	3,2
Việt Nam	711,0	733,9	757,5	585,8	530,0	2,4
Thị trường khác	6995,8	6909,9	6822,5	5892,3	5316,2	23,5
Tổng	26647,5	27476,4	27508,1	30079,9	23982,9	100

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của UN's COMTRADE và tính toán của nhóm tác giả.*

Bảng 1 cho thấy, kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang Anh tăng lên trong giai đoạn 2017-2019. Sang năm 2020 và 2021, do tác động của đại dịch Covid-19 và chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, kim ngạch xuất khẩu giảm xuống từ 757,5 triệu USD năm 2019 đến 585,8 triệu USD năm 2020 và tiếp tục giảm đến 530 triệu USD năm 2021.

Tỷ lệ tận dụng ưu đãi về thuế quan từ Hiệp định còn thấp (chỉ chiếm 17,2% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Anh năm 2021) (VCCI, 2022). Điều đó cho thấy, năm đầu tiên thực hiện Hiệp định UKVFTA chưa thực sự hiệu quả, mặc dù nhiều mặt hàng may mặc được hưởng mức thuế ưu đãi về 0%. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó là do mức độ hiểu biết các doanh nghiệp về FTA nói chung còn rất hạn chế, trung bình chỉ đạt 23% VCCI (2020).

Về thị phần xuất khẩu, thị phần xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam tại Anh chiếm tỷ lệ rất nhỏ (chỉ chiếm 2,4%), thấp hơn nhiều so với các đối thủ cạnh tranh mạnh như Trung Quốc (chiếm khoảng 26,1%), Bangladesh (12,2%), Thổ Nhĩ Kỳ (6,8%), Ấn Độ (5,7%), Pakistan (4,7%).

Về chủng loại hàng xuất khẩu, các sản phẩm hàng may mặc của Việt Nam xuất khẩu nói chung, sang Anh nói riêng còn ít chủng loại, mẫu mã còn nghèo nàn, chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu “mốt” thời trang mà thị trường đòi hỏi. 10 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất chiếm tới hơn 70% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang Anh (Bảng 3).

Về mức độ tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu ngành dệt may, các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu tham gia vào công đoạn sản xuất, theo phương thức gia công theo mẫu (CMT) (chiếm 65%), và hình thức sản xuất theo kiểu hợp đồng mua đứt bán đoạn (FOB) (30%) nên giá trị gia tăng của toàn ngành còn thấp (đạt 5-10%). Phần lớn các doanh nghiệp thực hiện gia công xuất khẩu, phụ thuộc nhiều vào các công ty nước ngoài làm

**Bảng 3: 10 mặt hàng may mặc xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang Anh (2017-2021)***Đơn vị tính: Triệu USD*

Mã HS	Mặt hàng	2017	2018	2019	2020	2021
6204	Bộ comlê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, váy dài, váy, chân váy, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn, và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái.	127,2	124,0	129,4	74,4	58,7
6109	Áo phông, áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc.	32,0	33,9	39,6	38,7	49,7
6203	Bộ comlê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai.	110,1	105,2	98,5	54,0	47,4
6202	Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (carcoats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, trừ loại thuộc nhóm 62.04.	67,4	68,5	64,2	44,1	43,7
6104	Bộ comlê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, áo váy dài, váy, chân váy, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc.	42,7	39,5	39,0	37,4	39,7
6303	Rèm cửa, bao gồm màn và rèm nội thất; rèm hoặc diềm giường bằng tất cả các loại vải dệt...	14,8	18,8	22,4	32,2	37,5
6110	Áo bó, áo chui đầu, áo cài khuy (cardigans), gilê và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc.	37,5	42,2	50,7	42,2	36,1
6201	Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (carcoats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, trừ các loại thuộc nhóm 62.03	35,0	38,7	34,2	26,2	27,9
6307	Các mặt hàng đã hoàn thiện khác, kể cả mẫu cắt may.	22,4	19,2	23,0	41,3	27,0
6212	Áo lót, dây đai, áo nịt ngực, nẹp, dây treo, nịt bít tất và các sản phẩm tương tự và các bộ phận của chúng, ...	13,3	22,5	22,9	19,4	19,7
Các mặt hàng khác		208,4	221,3	233,6	175,8	142,9
Tổng		711,0	733,9	757,5	585,8	530,0

*Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của WITS.*

trung gian về thiết kế, marketing, nguồn cung nguyên phụ liệu (tỷ lệ nội địa hóa toàn ngành dệt may mới đạt khoảng 46%, tỷ lệ nguyên phụ liệu nhập khẩu tới 60%, chủ yếu do công nghiệp hỗ trợ còn kém phát triển) (Đăng Anh Đào & cộng sự, 2021).

## 6. Tác động của UKVFTA đến xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang Anh

### 6.1. Tác động tạo lập thương mại

Mô phỏng của SMART cho thấy một số kết quả về tác động tạo lập thương mại từ Hiệp định UKVFTA (Bảng 4).

Bảng 4 cho thấy, tổng tác động tạo lập thương mại từ UKVFTA đối với mặt hàng may mặc xuất khẩu của Việt Nam sang Anh là 36,8 triệu USD. Riêng 10 mặt hàng may mặc xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang Anh đã chiếm gần 70% tổng tác động tạo lập thương mại.

**Bảng 4: Giá trị tạo lập thương mại tính theo từng nhóm hàng**

Nước NK	Mã HS	Nước XK	Kim ngạch (Triệu USD)	Tạo lập thương mại (triệu USD)	% trong tổng tác động
826	6204	704	14,8	5,8	15,7%
826	6109	704	7,9	2,9	7,9%
826	6203	704	10,2	4,4	11,9%
826	6202	704	9,2	4,1	11,1%
826	6104	704	5,1	2,2	5,9%
826	6303	704	0	0	0,0%
826	6110	704	8,9	3,4	9,3%
826	6201	704	5,2	2,0	5,5%
826	6307	704	0	0	0,0%
826	6212	704	2,3	0,9	2,4%
Tổng tác động từ 10 mã hàng			63,6	25,7	69,8%
Khác			25,9	11,1	30,2%
Tổng tác động			89,5	36,8	100%

*Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả.*

Trong đó, mã HS 6204 (Bộ com lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, váy dài, váy, chân váy, quần dài, ...) được dự báo xuất khẩu sang Anh tăng mạnh nhất, đạt 5,8 triệu USD (chiếm 15,7% tổng tác động tạo lập thương mại). Tiếp theo sau là mã HS 6203 (Rèm cửa, bao gồm màn và rèm nội thất; rèm hoặc diềm giường bằng tất cả các loại vải dệt ... ) và HS 6202 (Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (carcoats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ, ...) lần lượt tăng xuất khẩu sang Anh sẽ đạt 4,4 triệu USD (chiếm 11,9%) và 4,1 triệu USD (chiếm 11,1%).

Tuy nhiên, mã HS 6303 (Rèm cửa, bao gồm màn và rèm nội thất; rèm hoặc diềm giường bằng tất cả các loại vải dệt,...) và HS 6307 (Các mặt hàng đã hoàn thiện khác, kể cả mẫu cắt may) được mô hình dự báo không đem lại tác động tạo lập thương mại. Nguyên nhân có thể do các mặt hàng này đều đã được hưởng mức thuế 0% ngay từ 01/8/2020 (khi EVFTA có hiệu lực, Anh vẫn được kế thừa các cam kết trong Hiệp định này ngay cả khi đã ra khỏi EU).

**Bảng 5: Giá trị chuyển hướng thương mại tính theo từng nhóm hàng**

Mã HS	Kim ngạch (triệu USD)	Chuyển hướng thương mại (triệu USD)	% trong tổng tác động	
6204	14,8	9,0	17,1%	
6109	7,9	5,0	9,5%	
6203	10,2	5,8	11,1%	
6202	9,2	5,2	9,8%	
6104	5,1	2,9	5,5%	
6303	0	0	0,0%	
6110	8,9	5,5	10,4%	
6201	5,2	3,2	6,0%	
6307	0	0	0,0%	
6212	2,3	1,4	2,6%	
Tổng tác động từ 10 mã hàng		63,6	37,9	71,9%
Khác		25,9	14,8	28,1%
Tổng tác động từ hàng may mặc		89,5	52,7	100%

*Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả.*

**Bảng 6: 10 nước giảm xuất khẩu các mặt hàng sang Anh**

Nước	Kim ngạch trước UKVFTA (triệu USD)	Kim ngạch sau UKVFTA (triệu USD)	Thay đổi (triệu USD)	Được hưởng các chương trình ưu đãi thuế quan của Anh (*)
Trung Quốc	484,0	480,7	-3,2	MFN
Bangladesh	417,6	415,7	-1,9	GSP+ (thuế NK 0%)
Thổ Nhĩ Kỳ	211,1	210,3	-0,8	FTA
Ấn Độ	191,0	190,3	-0,7	GSP (thuế NK 9,6%)
Sri Lanka	83,4	82,9	-0,5	GSP+ (thuế NK 0%)
Myanmar	38,5	38,1	-0,3	EBA (miễn thuế)
Campuchia	44,7	44,4	-0,3	EBA (miễn thuế)
Pakistan	71,9	71,6	-0,2	GSP+ (thuế NK 0%)
Morocco	27,9	27,7	-0,1	FTA
Indonesia	23,7	23,52	-0,1	GSP (thuế NK 9,6%)

Ghi chú: (\*) Nhóm tác giả tổng hợp thông tin từ các trang web của GOV.UK

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả.

## 6.2. Tác động chuyển hướng thương mại

Tổng tác động của chuyển hướng thương mại từ UKVFTA đối với hàng may mặc xuất khẩu của Việt Nam sang Anh là 52,7 triệu USD (Bảng 5).

Bảng 5 trên cho thấy, 10 nhóm hàng may mặc xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang Anh được dự báo tăng đến 37,9 triệu USD, chiếm tới 71,9% tổng tác động chuyển hướng thương mại. Trong đó, dẫn đầu là mã HS 6204 (Bộ com lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, váy dài, váy, chân váy, quần dài,...)

**Bảng 7: Tổng tác động từ Hiệp định UKVFTA**

Tác động	Giá trị (triệu USD)	Tỷ lệ
Tạo lập thương mại	36,8	41,1%
Chuyển hướng thương mại	52,7	58,9%
Tổng	89,5	100%

Nguồn: Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả.

chịu tác động của chuyển hướng thương mại mạnh nhất, ước tính chiếm 17,1%, đạt 9,0 triệu USD. Đứng vị trí thứ hai và thứ ba là mã HS 6203 (Bộ com lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, quần dài, quần yếm có dây đeo,...) và mã HS 6110 (Áo bó, áo chui đầu, áo cài khuy (cardigans), gilê và các mặt hàng tương tự,...) với giá trị lần lượt ước tính đạt 5,8 triệu USD (chiếm 11,1%) và 5,5 triệu USD (chiếm 10,4%). Mã HS 6303 (Rèm cửa, bao gồm màn và rèm nội thất; rèm hoặc diềm giường bằng tất cả các loại vải dệt ... và mã HS 6307 (Các mặt hàng đã hoàn thiện khác, kể cả mẫu cắt may) không đem lại tác động chuyển hướng thương mại.

Theo kết quả mô phỏng từ SMART, 10 nước có kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng có mã HS 6204 (Bộ com lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo khoác thể thao, váy dài, váy, chân váy, quần dài,...) sang thị trường Anh biến động mạnh khi UKVFTA được thực thi (Bảng 6).

Trong số 10 quốc gia chịu tác động mạnh từ UKVFTA đối với mã HS 6204, Trung Quốc hiện vẫn chưa ký FTA và không được Anh cho hưởng chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP). Do đó, các sản phẩm thuộc nhóm hàng này của Trung Quốc vẫn chịu mức thuế nhập khẩu của Anh theo quy chế tối huệ quốc hiện là 12%.

Bangladesh, Myanmar và Campuchia được hưởng chế độ miễn thuế nhập khẩu của Anh theo Chương trình EBA (Everything but Arm - Miễn thuế tất cả các mặt hàng trừ vũ khí). Sri Lanka và Parkistan cũng được miễn thuế nhập khẩu theo chế độ GSP+, Ấn Độ và Indonesia được hưởng chế độ GSP tiêu chuẩn



---

(Standard GSP).

Như vậy, việc thực thi UKVFTA sẽ mang lại những lợi thế cạnh tranh lớn về thuế cho hàng may mặc Việt Nam so với các nước chưa ký FTA hoặc chỉ được hưởng chế độ GSP. Các nước này sẽ chịu tác động của chuyển hướng thương mại do Anh sẽ ưu tiên nhập khẩu hàng hoá của các quốc gia đối tác trong các FTA với Anh như Việt Nam, Thổ Nhĩ Kỳ và Morocco. Tuy nhiên, Thổ Nhĩ Kỳ và Morocco vẫn sẽ chịu tác động của chuyển hướng thương mại do Anh sẽ ưu tiên nhập khẩu hàng may mặc từ Việt Nam do Việt Nam có lợi thế lớn nhờ chi phí nhân công giá rẻ (Bộ Công thương, 2020). Như vậy, khi UKVFTA được thực thi, Anh xoá bỏ thuế quan cho mặt hàng thuộc nhóm HS6204 sẽ tác động chuyển hướng thương mại từ Trung Quốc, Bangladesh, Ấn Độ,... sang Việt Nam.

Từ kết quả nghiên cứu phân tích bằng SMART, nhóm tác giả rút ra được bảng dữ liệu về tổng tác động từ UKVFTA như trình bày ở Bảng 7, theo đó tác động chuyển hướng thương mại vượt trội hơn so với tác động tạo lập thương mại.

### 7. Kết luận và khuyến nghị chính sách

Kết quả nghiên cứu cho thấy UKVFTA có tác động thúc đẩy xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang thị trường Anh, đặc biệt là 10 nhóm mặt hàng may mặc xuất khẩu chủ lực của Việt Nam (chiếm tới 69,8% tổng tác động tạo lập thương mại và 71,9% tác động chuyển hướng thương mại). Đây cũng là những mặt hàng Việt Nam có lợi thế so sánh và mang tính bổ sung trong cơ cấu thương mại của Anh.

Tác động chuyển hướng thương mại lớn hơn tác động tạo lập thương mại, chiếm tới 58,9% tổng tác động. Điều đó có nghĩa là khi cắt giảm thuế quan về 0% theo UKVFTA, Anh chuyển hướng nhập khẩu các mặt hàng may mặc từ các đối thủ cạnh tranh như Trung Quốc, Bangladesh, Ấn Độ,... sang Việt Nam. Tuy nhiên, lợi thế này về dài hạn có thể bị mất đi khi các đối thủ cạnh tranh đang thúc đẩy quá trình đàm phán để ký FTA với Anh. Tác động của tạo lập thương mại là 41,1%, có nghĩa là dưới tác động của UKVFTA, giá hàng may mặc Việt Nam cạnh tranh hơn hàng hóa nội địa Anh.

Kim ngạch xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang Anh còn chiếm tỷ trọng rất nhỏ (khoảng 2,4%) trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng may mặc của Anh. Tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan từ Hiệp định còn thấp (chiếm 17,2% tổng giá trị xuất khẩu hàng may mặc sang Anh). Hơn nữa, hàng may mặc Việt Nam xuất khẩu sang Anh chủ yếu dưới hình thức gia công thuê, nên giá trị gia tăng còn thấp.

Để có thể hỗ trợ các doanh nghiệp may mặc tận dụng được mức thuế quan ưu đãi từ UKVFTA và vượt qua được các hàng rào kỹ thuật khắt khe của thị trường Anh thì Việt Nam cần phải đưa ra các chính sách, giải pháp phù hợp đó là: (i) Tăng cường hoạt động tuyên truyền, phổ biến thông tin về UKVFTA để các doanh nghiệp hiểu và biết cách tận dụng những tác động tích cực của Hiệp định; (ii) Cần tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may để các doanh nghiệp làm chủ được nguyên phụ liệu, đáp ứng được quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi từ UKVFTA; (iii) Đào tạo đội ngũ cán bộ đủ khả năng thiết kế mẫu mã và nguồn nhân lực có tay nghề cao trong ngành may mặc; (iv) Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến xuất khẩu hàng may mặc vào thị trường Anh, đặc biệt là những mặt hàng mà Việt Nam có lợi thế và dự báo tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu do tác động của UKVFTA; (v) Tăng cường liên kết các doanh nghiệp dệt may trong nước và nước ngoài để hình thành chuỗi liên kết giữa các doanh nghiệp trong ngành.

### Tài liệu tham khảo

- Abdelmalki, L., Sandretto, S.M. & Jallab, S., (2007), 'The free trade agreement between the United States and Morocco: The importance of a gradual and asymmetric agreement', *Journal of Economic Integration*, 22(4), 852-887, viewed 1st November 2020, from <<https://halshs.archives-ouvertes.fr/halshs-00142503/document>>
- Aitken, N.D. (1973), 'The effect of the EEC and EFTA on European trade: A temporal cross-section analysis', *The American Economic Review*, 63 (5), 881-892. <https://doi.org/10.1007/BF02707409>.
- Bao, Ha Cong Anh (2016), 'The Panorama for Vietnam's Timber industry with Vietnam-EU free trade agreement

- 
- (EVFTA): Opportunities and challenges', *SECO/WTI Academic Cooperation Project Working Paper Series 2016/05*, SECO/WTI Academic Cooperation.
- Bộ Công Thương (2020), *Thông tin xuất khẩu vào thị trường EU ngành dệt may*, NXB Công Thương.
- Cheong, D. (2010), *Methods for Ex ante economic evaluation of Free Trade Agreements* (No. 52). ADB working paper series on regional economic integration.
- Craig R. MacPhee, Wanasin Sattayanuwat (2014), 'Consequence of Regional Trade Agreements to Developing Countries', *Journal of Economic Integration*, 29(1), 64-94.
- Đặng Anh Đào, Nguyễn Thị Chi, Ngô Thị Tuyết Mai (2021), *Phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành dệt-may của Việt Nam trong bối cảnh thực hiện Hiệp định thương mại tự do EVFTA và CPTPP*, Nhà xuất bản Công Thương.
- Department of International Trade, UK (2022), *Trade & Investment Factsheets*, Vietnam, retrieved on 1 August 2022, from [https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment\\_data/file/1094914/vietnam-trade-and-investment-factsheet-2022-08-01.pdf](https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/1094914/vietnam-trade-and-investment-factsheet-2022-08-01.pdf)
- Duong, B.(2016), *Vietnam-EU free trade agreement: Impact and policy implications for Vietnam*, SECO/WTI Academic Cooperation Project Working Paper Series, 7.
- Jame Cassing, Ray Trewin David Vanzetti, Trương Đình Tuyển, Phạm Lan Hương, Nguyễn Anh Dương, Lê Quang Lân, Lê Triệu Dũng (2010), *Báo cáo đánh giá tác động của các hiệp định thương mại tự do đối với kinh tế Việt Nam*, MUTRAP, truy cập ngày 4/11/2020, <[http://vnep.ciem.org.vn/Upload/FTAHOR%20Final%20report\\_VIE.pdf](http://vnep.ciem.org.vn/Upload/FTAHOR%20Final%20report_VIE.pdf)>
- Krugman, Paul. (1991), 'The Move Toward Free Trade Zones', *Economic Review*, 35, 1-24.
- Lang, R. (2006), *A partial equilibrium analysis of the impact of the ECOWAS-EU, Economic Partnership Agreement*, United Nations Economic Commission for Africa, viewed 06 July 2017, from <<https://www.gtap.agecon.purdue.edu/resources/download/2728.pdf>>
- Lipsey, R.G. (1957), 'The theory of customs unions: trade diversion and welfare', *Economica*, New Series, Vol. 24, No. 93 (Feb., 1957), pp. 40-46.
- Magee, Christopher (2004), 'New Measures of Trade Creation and Trade Diversion', <https://citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download?doi=10.1.1.608.584&rep=rep1&type=pdf>
- Marc Bacchetta, Cosimo Beverelli, Olivier Cadot, Marco Fugazza, Jean-Marie Grether, Matthias Helble, Alessandro Nicita, Roberta Piermartini (2012), *A Practical Guide to Trade Policy Analysis*, WTO & UNCTAD, <http://vi.unctad.org/tpa>.
- Meade, J.E. (1955), *The Theory of Customs Unions*, North-Holland, Amsterdam
- Ngô Thị Tuyết Mai & Nguyễn Như Bình (đồng chủ biên, 2019), *Giáo trình Hội nhập kinh tế quốc tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Othieno, L., & Shinyekwa, I.(2011), *Trade, revenue and welfare effects of the East African Community Customs Union Principle of Asymmetry on Uganda: an application of Wits-Smart simulation model*, Economic Policy Research Centre.
- P.Smith (2022), *Share in world imports of the leading clothing importers 2020, by country*, truy cập lần cuối ngày 7/3/2022 tại <https://www.statista.com/statistics/1207381/share-of-the-leading-global-apparel-importers/>
- Thông tấn xã Việt Nam (2022), *Các thị trường xuất khẩu chính của dệt, may Việt Nam*, truy cập <https://infographics.vn/interactive-cac-thi-truong-xuat-khau-chinh-cua-det-may-viet-nam/62857.vna>
- Tran, T.D., Bui T.V., Vu M.N., Pham S.T., Truong M.H., Dang T.T. & Trinh V.T. (2021), 'Impact of EVFTA on trade flows of fruits between Vietnam and the EU', *Journal of Asian Finance, Economic and Business*, 8(5), 0607-0616.
- Urata, S., Okabe, M.(2007), 'The impacts of free trade agreements on trade flows: An application of the gravity model approach', *RIETI Discussion Paper Series 07-E-052*, Tokyo: Research Institute of Economy, Trade & Industry.
- VCCI (2020), *Việt Nam sau 02 năm thực thi hiệp định CPTPP từ góc nhìn doanh nghiệp*, <https://trungtamwto.vn/file/20684/bao-cao-danh-gia-tinh-hinh-viet-nam-sau-2-nam-thuc-thi-cptpp-tu-goc-nhin-doanh-nghiep.pdf>
- VCCI (2022), *Tình hình tận dụng ưu đãi thuế quan theo các FTA của Việt Nam năm 2021*, truy cập lần cuối ngày 5/5/2022, tại: <https://trungtamwto.vn/thong-ke/20588-tinh-hinh-tan-dung-uu-dai-thue-quan-theo-cac-fta-cua-viet-nam-nam-2021>.
- Viner, J. (1950), *The customs union issue*, proceeding of Carnegie Endowment for International Peace, ASIN: B000OFG CS0, 41-55.
- Vô Tat Thang, Nguyen Trong Hoai & Nguyen Thi Tuong Vy (2018), 'European-Vietnam Free Trade Agreement and Vietnam's footwear', *Journal of Asian Business and Economic Studies*, 25 (S02), 29-46.
-